

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **07/2025/HS-ST**
Ngày: 07-3-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thu Hồng.

2/ Ông Bùi Trung Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phan Thanh T, số CCCD: 082086012669**, (tên gọi khác: Nùng); Sinh ngày 07/11/1986, tại tỉnh T; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 20/32, khu phố A, phường B, thành phố G, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: số 20/32, khu phố A, phường B, thành phố G, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Cha tên: Phan Văn H, sinh năm 1952 và mẹ tên Phan Thị V, sinh năm 1954; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1988 (đã ly hôn); con có 01 người sinh năm 2008; Từ nhỏ, đi học và sinh sống cùng gia đình tại 01/19, khu phố A, phường B, thành phố G, tỉnh T. Học đến lớp 08 thì nghỉ học, đi làm và sinh sống cùng gia đình; Ngày 25/03/2003, bị Công an tỉnh T bắt đưa đi Trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (chấp hành xong).

Tiền án: 05 lần

- Ngày 15/4/2011, TAND huyện C, tỉnh T, xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 16/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 20/4/2012;

- Ngày 12/9/2013, TAND thành phố M, tỉnh T, xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 148/HSST;

- Ngày 27/9/2013, TAND huyện C, tỉnh T, xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 92/HSST.

- Ngày 03/9/2013, TAND tỉnh T, xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 179/2013/HSPT (Bản án sơ thẩm số 11/HSST ngày 09/5/2013 của TAND huyện T xử 02 năm tù giam). Chấp hành xong phạt tù ngày 17/5/2017;

- Ngày 27/11/2018, TAND tỉnh T, xử phạt 02 năm 06 tháng tù “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 113/2018/HSPT. Chấp hành xong phạt tù ngày 10/9/2020.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 01/10/2024, ngày 03/10/2024 chuyển tạm giam cho đến ngày 17/01/2025, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ huyện G, tỉnh T.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Dương Minh T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Dương Hồng K, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Võ Hoàng P, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Anh V, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1/19 khu phố A, phường B, thành phố G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Thanh T và Nguyễn Anh V là 02 đối tượng không nghề nghiệp, nghiện ma túy, thường xuyên cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Từ ngày 27/10/2021 đến ngày 27/11/2021, T và V đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô 02 bánh trên địa bàn huyện G. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ, ngày 27/10/2021, V điều khiển xe gắn máy hai bánh loại Cúp 50, màu xanh, không biển số (của ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965 là cha V), chở T quanh các tuyến đường trên địa bàn huyện G tìm tài sản để trộm cắp. Khi T, V chạy ngang nhà chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1976, ngụ ấp T, xã B, huyện G nhìn thấy chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63B8- 501.78 của anh Dương Minh T, sinh năm 1987, ngụ ấp P, xã P, huyện T đang đi làm công trình đường huyện 19, đậu ở lề đường trước nhà chị T; xe có sẵn chìa khoá, xe không người trông coi nên V dừng xe lại, đứng canh giới, còn T đi đến lấy trộm xe mô tô trên, rồi cả hai điều khiển chạy về nhà T. Khi về đến nhà, T tháo biển số xe 63B8- 501.78 vứt bỏ xuống kênh và gắn biển số 63V9-4608 (do T nhặt được) vào xe trộm được, V tiếp tục điều khiển xe trộm được đến cầm cho người bạn là Nguyễn Trương Thanh T (Ba Gà), sinh năm 1995,

ngụ: 3/1, khu phố A, phường B, thị xã G (nay là thành phố G) với số tiền 2.000.000 đồng, cả hai chia đều nhau tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ, ngày 03/11/2021, V điều khiển Cúp 50 chở Tâm đến địa phận xã T, huyện G để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang phần đất của ông Đặng Tấn C, sinh năm 1954, ngụ ấp B, xã T, huyện G cả hai nhìn thấy xe mô tô hai bánh, biển số 63B9- 046.30 của anh Dương Hồng K, sinh năm 1981, ngụ ấp B, xã T, huyện G đậu ở trên đường đan, xe có sẵn chìa khoá, không có người trông coi, Vũ dừng xe lại, đứng cạnh giới, Tâm đi đến lấy trộm xe mô tô trên, rồi cả hai cùng điều khiển xe chạy về nhà V. Khi về đến nhà, cả hai cùng sơn xe trộm được sang màu trắng- đen; tháo vớt biển số xe 63B9- 046.30, gắn biển số 63B6- 218.49 vào. V đưa cho Tâm 500.000 đồng rồi V lấy xe trộm được làm phương tiện đi lại. Đến 02, 03 tháng sau, do thiếu anh Lê Hoàng Q (Q L1) sinh năm 1986, ngụ ấp T, xã L, thị xã G (nay là thành phố G) số tiền 2.000.000 đồng chơi game bắn cá thua, nên V để lại xe trộm được cho anh Q cầm trả nợ. Sau đó, Q đã đưa xe mô tô trên cho người bạn tên thường gọi là C (không rõ nhân thân), ngụ hẻm C, phường D, thị xã G (nay là thành phố G) mượn sử dụng; sau đó C đã cầm chiếc xe trên cho CN (không rõ nhân thân), ngụ ở xã T, huyện G với số tiền 4.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G phát hiện ông Võ Văn V, sinh năm 1959, ngụ ấp T, xã L, huyện C, thành phố H đang sử dụng xe mô tô hai bánh được gắn biển số 63B6- 218.49 nên đã mời ông V đến Công an xã L, huyện C, thành phố H để làm việc. Ông V trình bày vào khoảng tháng 5/2022 ông V mua xe trên của một người đàn ông lạ tại bến phà L với giá là 1.800.000 đồng, khi mua không có giấy tờ xe. Sau khi nghe Cơ quan điều tra giải thích xe trên là xe bị mất trộm nên ông V đã tự nguyện giao nộp xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 27/11/2021, V điều khiển xe mô tô hai bánh được gắn biển số 63B6- 218.49 (trộm được ở vụ thứ hai) chở T lưu thông trên các tuyến đường giao thông thuộc địa bàn huyện G tìm tài sản trộm. Khi đi ngang nhà của chị Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1987, ngụ ấp T, xã Y nhìn thấy xe mô tô hai bánh biển số 63B5- 187.21 của anh Võ Hoàng P, sinh năm 1985, ngụ cùng ấp đậu tại sân nhà, xe có sẵn chìa khoá, T kêu V dừng xe lại đứng bên ngoài cạnh gác, T đi vào sân lấy trộm xe mô tô trên dẫn bộ ra ngoài đường, rồi cả hai điều khiển xe chạy về hướng thị xã Gò Công (nay là thành phố Gò Công). Trên đường tẩu thoát, T mở cốp xe 63B5- 187.21, thấy bên trong có 7.500.000 đồng và nhiều giấy tờ tùy thân tên P nên T lấy số tiền 7.500.000 đồng, riêng bóp và giấy tờ tùy thân T đã vứt bỏ ở dưới kênh nước cấp Quốc lộ 50 thuộc địa phận thành phố G (không nhớ địa điểm cụ thể).

Sau đó, T thỏa thuận với V lấy xe mô tô vừa trộm được làm phương tiện di chuyển và sẽ đưa cho V 1.000.000 đồng, V đồng ý. Để tránh bị phát hiện, T đã thay đổi màu sắc xe sang màu trắng, vớt bỏ biển số 63B5- 187.21 và gắn biển số xe 54Y8- 1520 vào để sử dụng. Đến khoảng 2, 3 ngày sau, do chơi game bắn cá tại tiệm game do Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1996, tạm trú khu phố 3, phường

1, thị xã G (nay là thành phố G) bị thua, nên T đã cầm xe trộm được cho chị N với số tiền 2.000.000đồng. Sau đó T đưa Vũ 1.000.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày hôm sau, T tiếp tục cầm xe trộm được (xe gắn biển số 54Y8- 1520) cho một người thanh niên (không rõ nhân thân) với số tiền 2.300.000đồng, T dẫn người thanh niên đến gặp chị N để chuộc xe, sau đó người thanh niên lấy xe và đưa cho T thêm 300.000đồng, T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/07/2022, Công an thị xã G (nay là thành phố G) thu giữ xe gắn biển số 54Y8-1520 trên từ anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988, ngụ ấp B, xã B, huyện C. Qua làm việc, anh H cho biết mượn xe trên từ anh Lê Văn N (Bé N), sinh năm 1992, ngụ ấp B, xã B, huyện C. Qua xác minh anh N cho biết xe mô tô trên là do mua của một người thanh niên (không rõ nhân thân) với giá là 1.800.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G (nay là thành phố G) tạm giữ phương tiện và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, V và T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, ra Quyết định truy nã đối với các bị can.

Đến ngày 03/01/2023, Nguyễn Anh V bị bắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiến hành phục hồi điều tra đối với V theo quy định. Ngày 11/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đã xét xử và tuyên phạt Nguyễn Anh V 02 (hai) năm tù giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST.

Ngày 01/10/2024, Phan Thanh T bị bắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiến hành phục hồi điều tra đối với T theo quy định.

Vật chứng của vụ án thu giữ và xử lý như sau: Quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Anh V: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện G đã thu giữ và tiến hành xử lý vật chứng gồm: 01 xe mô tô loại xe Wave S, màu xanh- đen, số máy C12E-0265610, số khung 12058Y139180 (trả lại cho anh Dương Minh T); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xanh, số khung RLCS5C6J0EY083464, số máy 5C6J-083457 (trả lại cho anh Võ Hoàng P); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, số máy 16S2-165147, màu đỏ - đen, mang biển số 63B6-218.49 (lại cho anh Dương Hồng K); 01 xe mô tô hai bánh, không rõ nhãn hiệu, loại Cúp 50, màu xanh, không có biển số, số khung, số máy 8526097 (trả lại cho ông Nguyễn Văn M) theo Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện G.

Đối với các Biển số 63V9-4608, 54Y8-1520, 63B6-218.49 là biển số không rõ nguồn gốc. Cơ quan điều tra đã bàn giao Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện G xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được bóp và giấy tờ tùy thân của anh P.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 61/KL-HĐĐGTS, ngày 10/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận giá trị của xe mô tô hai bánh, biển số 63B5- 187.21 là 6.300.000đồng.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện G, kết luận giá trị của xe mô tô hai bánh biển số 63B8- 501.78 là 4.500.000đồng.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện G, kết luận giá trị của xe mô tô hai bánh biển số 63B9- 046.30 là 3.500.000đồng.

*Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Võ Hoàng P, Dương Minh T, Dương Hồng K đã nhận lại tài sản; người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trương Thanh T, ông Võ Văn V, anh Lê Văn N không yêu cầu bị cáo Tâm phải bồi thường.

Theo Cáo trạng số 04/CT-VKSGCT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Phan Thanh T tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:** Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh T từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2024; bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi tội của bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Các bị hại gồm: Dương Minh T, Dương Hồng K, Võ Hoàng P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh V vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường; Nội dung ghi hình được trích xuất dữ liệu từ camera giám sát; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận từ ngày 27/10/2021 đến ngày 27/11/2021, bị cáo

Phan Thanh T cùng Nguyễn Anh V thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là 03 xe mô tô hai bánh của anh Võ Hoàng P, Dương Minh T và Dương Hồng K trên địa bàn các xã Y, xã B, xã T thuộc huyện G với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.800.000đồng (03 xe mô tô và 7.500.000đồng). Ngoài ra, bị cáo T phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (do trước đó có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích) và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (do bản án trước tái phạm chưa được xóa án tích). Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang làm cho nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Thanh T phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo Phan Thanh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Võ Hoàng P, Dương Minh T, Dương Hồng K đã nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu giải quyết gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Phan Thanh T là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Phan Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo **Phan Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thanh T 05 (Năm) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2024.

2/. Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

3/. Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Áp dụng Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm.

5/. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, án văn.

Đặng Thị Thanh Trinh